| BỘ TÀI CHÍNH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 105/2021/TT-BTC | *Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2021* |

# THÔNG TƯ

**Hướng dẫn việc trích lập, quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;*

*Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc trích lập, quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.*

## Chương I

## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Đối với Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Bảo hiểm tiền gửi, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức xử lý mua bán nợ của Nhà nước: Trường hợp quy định của pháp luật khác có quy định đặc thù về việc trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật đó.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên (bao gồm cả Kiểm soát viên tài chính) trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây viết tắt là công ty TNHH MTV):

- Kiểm soát viên công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây viết tắt là Kiểm soát viên) là cá nhân do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thực hiện các quy định tại Điều 103, Điều 104, Điều 105, Điều 107, Điều 108 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 1/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

- Kiểm soát viên tài chính là cá nhân do Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 5 Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29/9/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Trưởng ban kiểm soát là cá nhân do cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thực hiện các quy định tại Điều 103, Điều 104, Điều 105, Điều 106 và Điều 108 của Luật Doanh nghiệp.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại công ty TNHH MTV.

## Chương II

## TRÍCH LẬP, QUẢN LÝ QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

### Điều 3. Trích lập quỹ tiền lương, thù lao của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên

1. Quý I hàng năm, công ty TNHH MTV thực hiện xác định quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 52/2016/NĐ-CP và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Các công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đang thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng theo các Nghị định khác của Chính phủ thì áp dụng quy định tại các Nghị định đó.

2. Trước ngày 15 hàng tháng, công ty TNHH MTV thực hiện chuyển 80% số tiền lương, thù lao kế hoạch năm chia 12 tháng (sau khi trừ khoản phải nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các khoản khác theo quy định của pháp luật) về quỹ tiền lương, thù lao của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu quản lý. Trường hợp kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao chưa được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt thì công ty TNHH MTV tạm chuyển bằng 80% tiền lương, thù lao theo tháng của năm trước liền kề. Sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của năm thì công ty TNHH MTV thực hiện bù trừ đảm bảo mức tạm ứng không quá 80% số tiền lương, thù lao theo tháng của năm kế hoạch. Đối với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam, thực hiện chuyển 85% số tiền lương, thù lao theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 20/2020/NĐ-CP ngày 17/2/2020 của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và Nghị định số 87/2021/NĐ-CP ngày 29/9/2021 của Chính phủ về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2020/NĐ-CP.

Sau khi thực hiện chuyển số tiền lương, thù lao của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên về quỹ tiền lương, thù lao của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu quản lý, Công ty TNHH MTV có văn bản gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo về việc chuyển tiền lương, thù lao tiền thưởng của kiểm soát viên kèm theo bản sao (sao y bản chính) các chứng từ liên quan để cơ quan đại diện chủ sở hữu kịp thời theo dõi, chi trả.

Trước ngày 20 hàng tháng, cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện chi trả tiền lương, thù lao cho Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên vào tài khoản cá

nhân của Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên (80% của số tiền lương, thù lao theo kế hoạch năm chia 12 tháng; Đối với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam là 85% của số tiền lương, thù lao theo kế hoạch năm chia 12 tháng).

3. Trong thời hạn 15 ngày sau khi quyết toán quỹ tiền lương theo quy định khi kết thúc năm tài chính, công ty TNHH MTV thực hiện chuyển phần tiền lương, thù lao còn lại của Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên theo số đã được quyết toán về quỹ tiền lương, thù lao của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên tại cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên, cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện chi trả phần tiền lương, thù lao còn lại cho Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

**Điều 4. Trích lập quỹ tiền thưởng của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên**

1. Tiền thưởng của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên bao gồm tiền thưởng hàng năm và thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ. Thời gian thực hiện trích lập và mức trích lập quỹ tiền thưởng của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

2. Khi thực hiện quyết định chi thưởng hàng năm cho người quản lý, cán bộ công nhân viên của công ty, công ty TNHH MTV thực hiện chuyển 90% tiền thưởng năm của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên về quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên tại cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Tối đa 15 ngày kể từ ngày Công ty TNHH MTV chuyển tiền thưởng năm của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên, cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện chi trả tiền thưởng năm cho Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, số tiền chi tối đa là 90% tiền thưởng năm.

3. Phần còn lại của quỹ tiền thưởng hàng năm được lập thành quỹ tiền thưởng nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ để xác định quỹ tiền thưởng nhiệm kỳ của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên được quy định tại Điều 103 Luật Doanh nghiệp.

Sau khi Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên kết thúc nhiệm kỳ, công ty TNHH MTV chuyển phần tiền thưởng còn lại về quỹ tiền lương, thù lao, tiền

thưởng của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên tại cơ quan đại diện chủ sở hữu. Căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ cả nhiệm kỳ, cơ quan đại diện chủ sở hữu chi trả phần còn lại cho Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

**Điều 5. Quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên**

1. Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên được theo dõi tại tài khoản riêng ở kho bạc nhà nước do đơn vị có chức năng quản lý tài chính kế toán thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương làm chủ tài khoản (có tên chủ tài khoản, số tài khoản tại kho bạc nhà nước, mã số đơn vị quan hệ với ngân sách). Người đứng tên chủ tài khoản là thủ trưởng đơn vị hoặc người được ủy quyền theo quy định, đồng thời cử cán bộ phụ trách kế toán để theo dõi tài khoản quỹ.

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng cho Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên từ tài khoản này. Đối với các khoản chi khác cho Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên (ngoài tiền lương, thù lao, tiền thưởng) thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 8 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 1/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp, không chi trả từ tài khoản này.

2. Các đơn vị làm chủ tài khoản quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên có trách nhiệm xây dựng quy chế quản lý, sử dụng, mở sổ sách kế toán để theo dõi các phát sinh liên quan đến tài khoản của quỹ, định kỳ hàng tháng, năm có đối chiếu số phát sinh, số dư với kho bạc nhà nước.

3. Cuối kỳ kế toán, các đơn vị có chức năng quản lý tài chính kế toán thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên theo quy định.

Công ty TNHH MTV có trách nhiệm báo cáo, đối chiếu số liệu với các đơn vị có chức năng quản lý tài chính kế toán thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để làm căn cứ quyết toán quỹ.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm xem xét, phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

**Điều 6. Xử lý số dư cuối năm của quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Trưởng ban kiểm soát và kiểm soát viên**

Trong thời hạn 15 ngày sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết toán quỹ tiền lương, thù lao và tiền thưởng của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên theo quy định khi kết thúc năm tài chính; Trường hợp quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng tại cơ quan đại diện chủ sở hữu còn số dư thì cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm chuyển trả lại cho công ty TNHH MTV. Công ty TNHH MTV hạch toán số tiền nhận lại như sau:

- Đối với số dư tiền lương, thù lao của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên được nhận lại từ cơ quan đại diện chủ sở hữu: Công ty TNHH MTV thực hiện hạch toán tăng thu nhập khác;

- Đối với số dư tiền thưởng của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên được nhận lại từ cơ quan đại diện chủ sở hữu: Công ty TNHH MTV thực hiện hạch toán tăng lợi nhuận sau thuế.

**Điều 7. Công khai thông tin về tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên**

Trước ngày 31 tháng 5 hàng năm, cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện công khai thông tin về quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng, mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng bình quân tháng, năm (năm trước liền kề) của Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên trên trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu và gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp theo dõi. (Báo cáo công khai thông tin thực hiện theo Biểu mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này).

## Chương III
## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 8. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2022 và thay thế Thông tư số 97/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ.

2. Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có cử Kiểm soát viên tại các công ty TNHH MTV do công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ được áp dụng quy định tại Thông tư này để xây dựng quy chế quy định việc

trích nộp, quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng cho Kiểm soát viên do công ty cử.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, xử lý./.

***Nơi nhận:***
- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTgCP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí Thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Kiểm toán nhà nước;
- Công báo;
- Website Chính phủ; Website Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- Lưu: VT, TCDN.

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

BỘ TÀI CHÍNH

**Nguyễn Đức Chi**

**Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu** **Biểu mẫu số 1**

**BÁO CÁO CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN NĂM....**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2021/TT-BTC ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

| STT | Tên doanh nghiệp | Số lượng Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên *(người)* | Tổng quỹ tiền lương, thù lao *(triệu đồng)* | Tổng quỹ tiền thưởng *(triệu đồng)* | Mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng bình quân tháng *(triệu đồng/ người)* | Mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng bình quân năm *(triệu đồng/ người)* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Doanh nghiệp A | | | | | |
| 2 | Doanh nghiệp B | | | | | |
| 3 | Doanh nghiệp C | | | | | |
| | | | | | | |

***Nơi nhận:***
- Cổng TTĐT của cơ quan đại diện chủ sở hữu (để đăng tải);
- Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- Lưu: ....

*....., ngày ....tháng....năm....*
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
*(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)*